

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 54/TTr-SKHĐT ngày 07/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019 là 12.139 tỷ 462 triệu đồng (*Mười hai ngàn một trăm ba mươi chín tỷ, bốn trăm sáu mươi hai triệu đồng*). Phân bổ vốn đầu tư từng danh mục dự án, công trình và từng huyện, thị xã, thành phố theo Phụ lục đính kèm. Trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương: 321 tỷ 313 triệu đồng. Trong đó: vốn nước ngoài (ODA) là 286 tỷ 423 triệu đồng; vốn chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng là 43 tỷ 890 triệu đồng.

2. Vốn đối ngân sách địa phương: 11.818 tỷ 149 triệu đồng. Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh là: 8.882 tỷ 449 triệu đồng; Vốn ngân sách cấp huyện là: 1.742 tỷ 500 triệu đồng; Vốn bội chi ngân sách địa phương là: 1.193 tỷ 200 triệu đồng.

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019 được giao, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh khẩn trương tổ chức thực hiện, phân đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

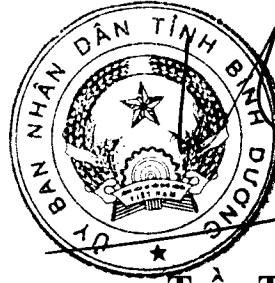


Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 3515/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019./. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, Tp. TDM;
- LĐVP, CV, TH, Công Báo, Website;
- Lưu: VT. 

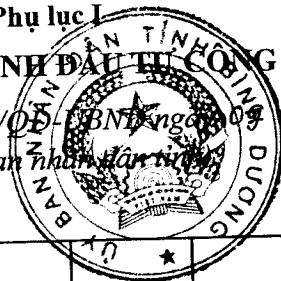
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Trần Thanh Liêm



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 2340/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A+B)	346	7.821.313	12.139.462	
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3	321.313	321.313	
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	286.423	286.423	
II	VỐN TRONG NƯỚC	1	34.890	34.890	
	<i>Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu</i>	<i>1</i>	<i>34.890</i>	<i>34.890</i>	
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II)	343	7.500.000	11.818.149	
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	329	6.170.000	8.882.449	
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1.1+1.2)	174	4.208.000	6.529.931	
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	68	68.315	454.427	
a	Hạ tầng kinh tế	34	50.015	431.465	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	13	5.300	9.962	
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	21	13.000	13.000	
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	106	4.139.685	6.075.504	
a	Hạ tầng kinh tế	50	2.756.485	4.268.117	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	38	991.200	1.376.813	
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	18	392.000	430.574	
2	Vốn xố số kiến thiết (a+b)	98	1.405.000	1.619.518	
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	5	433.310	505.912	
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	93	971.690	1.113.606	
3	Vốn tính hỗ trợ cấp huyện	57	557.000	733.000	
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	14	1.330.000	1.742.500	
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	0	1.330.000	1.330.000	
2	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	14		412.500	
III	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			1.193.200	

Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
Phân theo các nguồn vốn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố
(Kèm theo Quyết định số 2310 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	164	2.858.690	3.589.106	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.330.000	1.330.000	
	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	57	557.000	733.000	
	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	93	971.690	1.113.606	
	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	14	0	412.500	
1	Thành phố Thủ Dầu Một	30	496.704	526.704	
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		220.704	220.704	
1.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	15	180.000	180.000	
1.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	13	96.000	96.000	
1.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2		30.000	
2	Thị xã Thuận An	19	502.223	629.010	
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		264.823	264.823	
2.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	6	64.200	83.487	
2.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	173.200	213.200	
2.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	3		67.500	
3	Thị xã Dĩ An	15	441.858	566.949	
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		256.208	256.208	
3.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	2	50.000	51.291	
3.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	12	135.650	194.450	
3.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1		65.000	
4	Thị xã Tân Uyên	26	349.488	422.488	
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		101.688	101.688	
4.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	9	55.000	55.000	
4.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	15	192.800	192.800	
4.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2		73.000	
5	Huyện Bắc Tân Uyên	14	228.402	241.902	
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		88.402	88.402	
5.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	3	55.000	55.000	
5.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	85.000	85.000	
5.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1		13.500	
6	Thị xã Bến Cát	16	220.296	316.301	
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		108.606	108.606	
6.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	5	45.000	45.000	
6.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	66.690	97.695	
6.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1		65.000	
7	Huyện Bàu Bàng	17	222.387	215.744	
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		82.887	82.887	
7.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	9	42.200	35.557	

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
7.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	8	97.300	97.300	
8	Huyện Phú Giáo	13	208.504	372.778	
8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		98.454	98.454	
8.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	4	40.000	194.663	
8.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	7	70.050	49.161	
8.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2		30.500	
9	Huyện Dầu Tiếng	14	188.828	297.230	
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		108.228	108.228	
9.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	4	25.600	33.002	
9.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	8	55.000	88.000	
9.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2		68.000	

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG - CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 2310 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A+B+C)			4.215.598	68	454.427	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ			3.295.170	34	431.465	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			2.577.170	22	316.365	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn, thị xã Thuận An	UBND Tx Thuận An		2.000	1	500	
2	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018 - 2021)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7575165	763.705	1	245	
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	1.070	
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT747a đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên		500	1	100	
5	Đầu tư xây dựng các tuyến đường nhánh và cơ sở hạ tầng phụ trợ trong Khu trung tâm hành chính và tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7699430	120.000	1	101.500	
6	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	1.495	
7	Đường vành đai Đông Bắc 2 - Đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn	UBND thị xã Dĩ An		100.000	1	50.500	
8	Nâng cấp, mở rộng ĐT748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7203979	118.000	1	1.155	
9	Xây dựng kè chống sạt lở cù lao Rùa (Vị trí cù lao Rùa)	UBND thị xã Tân Uyên		2.000	1	100	



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
10	Xây dựng Cầu Đò mới qua sông Thị Tính	UBND thị xã Bến Cát		28.000	1	500	
11	Cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		60.709	1	6.800	
12	Nâng cấp đường ĐT 746 đoạn từ cầu Gổ đến Lạc An	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	3.000	
14	Nâng cấp , mở rộng đường ĐT741B	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	1.780	
15	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		4.794	1	2.525	
16	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7677567	136.000	1	84000	
17	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		450.000	1	4.500	
18	Xây dựng đường và cầu Vàm Tư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		113.000	1	2.750	
19	Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy	UBND Tp.Thủ Dầu Một		100	1	100	
20	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		403.862	1	1.100	
21	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		205.000	1	1.945	
22	Xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thổ Ngừ đến rạch Bảy Tra)	UBND Tp.Thủ Dầu Một		50.500	1	50.500	
23	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát		9.000	1	200	
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			202.000	5	103.300	
24	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn		30000	1	300	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
25	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một		81.000	1	50.500	
26	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An		81.000	1	50.500	
27	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương		5.000	1	1.000	
28	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực phường Uyên Hưng và phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương		5.000	1	1.000	
III	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH			138.000	2	550	0
29	Xây dựng khu tái định cư và lập phương án di dời các hộ dân đang sinh sống trong rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng		54.000	1	500	
30	Xóa điện kế dùng chung trên địa bàn huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo		84.000	1	50	
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CẤP, THOÁT NƯỚC			128.000	3	8.000	
31	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Bình Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT		122.000	1	2.000	
32	Nạo vét, gia cố Suối Cái từ thượng nguồn (đầu tuyến) đến sau cầu Thợ Ụt 100m	Sở Nông nghiệp và PTNT		3.000	1	3.000	
33	Nạo vét, gia cố Suối Cái và các tuyến suối còn lại từ sau cầu Thợ Ụt 100m đến sông Đồng Nai	Sở Nông nghiệp và PTNT		3.000	1	3.000	
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ NÔNG THÔN			50.000	1	1.500	
34	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật tỉnh Bình Dương	Sở Nông nghiệp và PTNT		50.000	1	1.500	
VI	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - THỦY LỢI VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI			200.000	1	1.750	
35	Xây dựng cống kiểm soát triều rạch Bình Nhâm	Sở Nông nghiệp và PTNT		200.000	1	1.750	
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI			232.210	13	9.962	
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			40.400	2	950	
36	Cải tạo, sửa chữa khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh.	Bệnh viện đa khoa tỉnh	7588399	31.200	1	500	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
37	Nâng cấp cơ sở vật chất Bệnh viện Phục hồi chức năng	Bệnh viện Phục hồi chức năng		9.200	1	450	
II	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN			43.980	6	4.512	
38	Tôn tạo di tích lịch sử Khảo Cổ Dốc Chùa	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	7251734	16.790	1	1.000	
39	Dự án Trùng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 1: Xây dựng hạ tầng toàn khu)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		2.500	1	974	
40	Trùng tu, tôn tạo di tích Sở Chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 3: Dự án bồi thường, giải tỏa)	UBND huyện Dầu Tiếng		6.000	1	100	
41	Xây dựng tượng đài trung tâm, nhà bia (nội dung văn bia), các hạng mục công trình phục chế, tranh tượng, phù điêu Khu Di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên (Tượng đài Trung tâm Khu di tích Chiến khu Long Nguyên)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		500	1	100	
42	Xây dựng hoàn chỉnh Khu vực văn hóa tưởng niệm Khu di tích Chiến khu Long Nguyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		1.500	1	838	
43	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		16.690	1	1.500	
III	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI			94.000	1	1.000	
44	Mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương; CCTL: 1000trđ	Sở Lao động Thương binh và Xã hội		94.000	1	1.000	
IV	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO			53.830	4	3.500	
45	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 2: Nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		10.500	1	500	
46	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 3: Khu dịch vụ)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		10.500	1	500	
47	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 4: Nhà luyện tập các môn võ thuật, nhà luyện tập các môn khác)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		10.500	1	500	
48	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 1: hạ tầng kỹ thuật đường số 1, số 2, trục đường cảnh quan, san nền; Nhà trường trực (3 nhà)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		22.330	1	2.000	
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC QPAN			688.218	21	13.000	0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
I	HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			451.020	7	3.873	
49	Khu hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm hành chính tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		103.520	1	1.573	
50	Nhà để xe tạm cho Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		13.000	1	500	
51	Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng		150.000	1	500	
52	Trung tâm hành chính huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên		150.000	1	500	
53	Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hậu cầu Kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên			1.000	1	200	
54	Xây dựng Kho lưu trữ Tỉnh ủy.	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	100	
55	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	Sở Nội vụ		30.500	1	500	
II	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (AN NINH)			164.634	6	5.510	
56	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh trong thành phố mới Bình Dương và Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	7004692	5.204	1	500	
57	Dự án Thiết bị nội thất Nhà làm việc chính Công an tỉnh.	Công an tỉnh		44.000	1	825	
58	Cơ sở làm việc Công an thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh		90.000	1	1.665	
59	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Công an tỉnh		20.000	1	500	
60	Hệ thống kiểm soát an ninh các Cơ sở giam giữ	Công an tỉnh		500	1	500	
62	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh	7004692	4.430	1	1.520	
IV	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)			4.000	7	2.617	
63	Xây dựng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	Công an tỉnh		500	1	200	
67	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	Công an tỉnh		500	1	500	
68	Mua sắm trang thiết bị phục vụ ứng cứu sự cố cháy nổ giai đoạn 2	Công an tỉnh		500	1	500	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
71	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện cho Đội Cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng Cảnh sát PC&CC số 1 (Phường Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một)	Công an tỉnh		500	1	500	
72	Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin vô tuyến bộ đàm kỹ thuật số UHF phục vụ công tác PCCC và CNCH tỉnh Bình Dương.	Công an tỉnh		500	1	500	
73	Đầu tư xây dựng hệ thống Camera quan sát cháy trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh		500	1	317	
76	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Thanh Phước	Công an tỉnh		500	1	100	
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA, THĂM DÒ KHẢO SÁT, TƯ VẤN, QUY HOẠCH TRONG CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ, XÃ HỘI, NHÂN VĂN			68.564	1	1.000	
77	Kho lưu trữ Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7585305	68.564	1	1.000	

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG - THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 2310 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A+B+C)			16.029.321	108	6.075.504	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III+IV)			10.722.651	52	4.268.117	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			6.782.891	35	2.758.427	
	Công trình Thiết kế BVTC-TDT			400.000	2	258.500	
1	Đường trục chính Đông Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	UBND thị xã Dĩ An	7631815	100.000	1	61.000	CBĐT=>
2	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7620900	300.000	1	197.500	
	Công trình khởi công mới			263.000	1	123.340	
3	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (GĐ 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7577422	263.000	1	123.340	CBĐT=>
	Công trình chuyển tiếp			2.901.375	9	1.504.930	
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường dài liệt sỹ Tân Phước Khánh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7276846	534.495	1	483.565	
5	Đường trục chính trung tâm hành chính và hạ tầng khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7618740	160.000	1	150.000	
6	Xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND thị xã Dĩ An	7526223	150.000	1	80.770	
7	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	7200180	400.000	1	102.165	
8	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	UBND thị xã Dĩ An	7526224	35.000	1	28.040	
9	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7004370	236.835	1	86.235	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cổng Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7357539	287.400	1	56.340	
11	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	UBND thị xã Bến Cát		47.600	1	15.510	
12	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7569781	1.050.045	1	502.305	
	Công trình thanh toán khối lượng			2.641.300	12	860.107	
13	Hệ thống thoát nước trên đường ĐT 744 tại 03 vị trí cấp bách (Km23+733, Km25+399, Km31+508) huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	7648011	7.300	1	1.565	
14	Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng cây ăn quả có múi xã Hiếu Liêm	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7565949	36.090	1	1.500	
15	Xây dựng cầu mới Bến Tăng	UBND huyện Phú Giáo	7243871	59.610	1	3.310	
16	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - giai đoạn I (Đoạn từ ngã ba Cây Dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thủ Ngự), phường Chánh Nghĩa	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	7207491	68.805	1	15.655	
17	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7226116	426.000	1	80.485	
18	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7038345	119.000	1	4.580	
19	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7226116	265.000	1	46.000	
20	Đường ĐT744 đoạn từ cầu Ông Cộ đến Km 12+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7004036	17.200	1	800	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
21	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7226116	491.985	1	40.000	
22	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7626481	980.000	1	644.712	
23	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7300799	19.725	1	11.500	
24	Xây dựng đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	UBND Tp. Thủ Dầu Một		150.585	1	10.000	
	Công trình quyết toán			577.216	11	11.550	
25	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7471541	53.600	1	200	
26	Cải tạo nút giao thông ngã tư Sở Sao	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7231793	58.270	1	600	
27	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7334164	102.000	1	4.000	
28	Xây dựng cầu Phú Long, hạng mục: Đường dẫn vào cầu	UBND thị xã Thuận An	7007902	10.300	1	820	
29	Bổ sung, nâng cấp hạng mục chiếu sáng trên tuyến đường ĐT744 đoạn qua xã An Tây từ Km12+046 đến Km21+200	UBND thị xã Bến Cát	7626480	6.400	1	200	
30	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	UBND thị xã Tân Uyên		105.000	1	3.000	
31	Xây dựng cầu Bà Cô	UBND thành phố Thủ Dầu Một		51.000	1	300	
32	Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương		765	1	350	
33	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương		1.771	1	155	
34	Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tính	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương		1.185	1	25	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
35	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 1	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7251485	186.925	1	1.900	
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN)			50.675	2	2.865	
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>			<i>50.675</i>	<i>2</i>	<i>2.070</i>	
36	Hệ thống cấp nước tập trung xã Tam Lập.	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	7612938	20.075	1	760	
37	Đầu tư nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Lạc An	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	7612920	30.600	1	1.310	
	<i>Công trình quyết toán</i>					<i>795</i>	
38	Hệ thống cấp nước tập trung xã Hiếu Liêm.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn		20.705	1	795	
III	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			1.974.967	8	868.519	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			<i>16.600</i>	<i>2</i>	<i>13.065</i>	
39	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn		11.500	1	9.135	=>CBĐT
40	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn		5.100	1	3.930	=>CBĐT
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>1.958.367</i>	<i>6</i>	<i>855.454</i>	
41	Đền bù mở rộng suối Lò Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	UBND Tx. Dĩ An		128.000	1	128.000	
42	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	7362603	578.110	1	58.565	
43	Xây dựng trạm thủy văn trên sông Sài Gòn (Trạm thủy văn cầu Vĩnh Bình - Sài Gòn)	Sở Tài nguyên và Môi trường	7578712	5.610	1	2.170	
44	Mua sắm trang thiết bị tăng cường năng lực Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	7577431	14.690	1	900	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
45	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	7306396	733.000	1	410.615	
46	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	7502964	498.957	1	255.204	
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CẤP, THOÁT NƯỚC			1.914.118	7	638.306	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>580.000</i>	<i>2</i>	<i>413.965</i>	
47	Hệ thống thoát nước bên ngoài các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	7155708	90.000	1	63.965	
48	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	7001535	490.000	1	350.000	
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>			<i>1.334.118</i>	<i>5</i>	<i>224.341</i>	
49	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đền	Sở Nông nghiệp và PTNT	7001487	464.000	1	31.400	
50	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7001480	152.025	1	3.579	
51	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7003703	658.000	1	187.350	
52	Hệ thống thủy lợi An Sơn - Lái Thiêu	Sở Nông nghiệp và PTNT		93	1	12	
53	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	7333723	60.000	1	2.000	
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI			3.872.731	38	1.376.813	
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			2.736.834	16	985.255	
	<i>Công trình lập TKBVTC-DT</i>			<i>706.500</i>	<i>1</i>	<i>5.000</i>	
54	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		706.500	1	5.000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			<i>434.000</i>	<i>2</i>	<i>270.357</i>	
55	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7466397	342.000	1	234.150	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
56	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		92.000	1	36.207	
	Công trình chuyển tiếp			1.426.205	5	692.174	
57	Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	7444763	19.853	1	750	
58	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7466394	146.530	1	97.000	
59	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7397335	55.000	1	1.000	
60	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7390137	213.692	1	97.000	
61	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn NS tỉnh tập trung)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7253179	991.130	1	496.424	
	Công trình quyết toán			170.129	8	17.724	
62	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7002650	72.500	1	460	
63	Trang thiết bị nhánh C - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương		1.783	1	61	
64	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7385877	160	1	153	
65	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	Bệnh viện Phục hồi chức năng		1.475	1	110	
66	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn 1)	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh	7583761	16.680	1	746	
67	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7342065	27.950	1	3.000	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
68	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	7497951	45.000	1	12.200	
69	Cải tạo Khoa Dược và khối Hành chính Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bình Dương.	Bệnh viện Y học cổ truyền Bình Dương	7582525	4.581	1	994	
II	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ			87.320	1	76.000	
	<i>Công trình lập TKBVTC-DT</i>			<i>74.000</i>	<i>0</i>	<i>74.000</i>	
70	Trường trung học phổ thông Thái Hòa; CCTL: 74.000trđ	UBND Tx. Tân Uyên	7302427	74.000		74.000	
	<i>Công trình quyết toán</i>			<i>87.320</i>	<i>1</i>	<i>2.000</i>	
71	Đầu tư trang thiết bị Trường cao đẳng Y tế	Trường Cao đẳng y tế		87.320	1	2.000	
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHỆ THÔNG TIN)			29.029	3	3.216	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			<i>3.200</i>	<i>1</i>	<i>3.000</i>	
72	Ứng dụng CNTT tại bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh	7588409	3.200	1	3.000	
	<i>Công trình quyết toán</i>			<i>25.829</i>	<i>2</i>	<i>216</i>	
73	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Bệnh viện điều dưỡng và Phục hồi chức năng tỉnh	Bệnh viện điều dưỡng và Phục hồi chức năng	7402372	1.079	1	96	
74	Đầu tư cho Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông đổi mới hoạt động dịch vụ, tư vấn phát triển công nghệ thông tin và đảm nhiệm vai trò trung tâm dữ liệu dự phòng	Sở Thông tin truyền thông	7600884	24.750	1	120	
III	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH			474.214	4	103.532	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>247.900</i>	<i>1</i>	<i>53.636</i>	
75	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh truyền hình	7580346	247.900	1	53.636	
	<i>Công trình lập TKBVTC-DT</i>			<i>100.000</i>	<i>2</i>	<i>46.116</i>	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
76	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	Đài Phát thanh truyền hình	7578804	100.000	1	46.116	
77	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	Đài Phát thanh truyền hình			1	0	
	<i>Công trình quyết toán</i>			126.314	1	3.780	
78	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7001974	126.314	1	3.780	
				3.420	1	150	
IV	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			3.420	1	150	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						
79	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	7575359	3.420	1	150	
				396.131	6	190.081	
V	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN			80.281	3	33.000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>						
80	Trung bày mỹ thuật khu Di tích lịch sử Rừng Kiến An	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	7583010	781	1	13.000	
81	Trung tâm Văn hóa công nhân lao động thị xã Bến Cát	Liên đoàn lao động tỉnh	7650647	49.000	1	10.000	
82	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm Chiến khu D	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	7583016	30.500	1	10.000	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			311.120	2	157.000	
84	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7157025	305.120	1	152.000	
85	Trùng tu tôn tạo di tích Nhà tù Phú Lợi	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	7024321	6.000	1	5.000	
	<i>Công trình quyết toán</i>			4.730	1	81	
86	Đầu tư trang thiết bị phục vụ Báo Bình Dương điện tử giai đoạn 3.	Báo Bình Dương	7614728	4.730	1	81	
VIII	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH			81.930	3	1.130	
	<i>Công trình quyết toán</i>			81.930	3	1.130	
89	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế-phường Định Hòa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7390136	11.460	1	700	
90	Khu tái định cư Phú Chánh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		11.926	1	15	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
91	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bình Dương (cơ sở 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		58.544	1	415	
IX.1	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ			63.853	4	17.449	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			24.303	2	16.900	
92	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2	Sở Xây dựng	7644033	18.503	1	14.600	
93	Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp tỉnh Bình Dương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7641445	5.800	1	2.300	
	<i>Công trình quyết toán</i>			39.550	2	549	
94	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	Sở Tài nguyên và Môi trường	7013105	16.250	1	500	
95	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin Tòa nhà trung tâm hành chính	Sở Thông tin truyền thông	7600840	23.300	1	49	
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN			1.433.939	18	430.574	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT			162.500	1	66.000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			162.500	1	66.000	
96	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7589964	162.500	1	66.000	
II	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (QUỐC PHÒNG)			217.154	4	121.520	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			217.154	4	121.520	
97	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	220160018	153.030	1	93.000	
98	Ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	220170007	2.949	1	2.850	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
99	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bàu Bàng	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	220160019	26.263	1	10.720	
100	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	220170001	34.912	1	14.950	
III	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (AN NINH)			591.579	9	144.899	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>542.460</i>	<i>7</i>	<i>144.661</i>	
102	Bờ kè chống sạt lở Trại tam giam và Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	7004692	14.000	1	5.030	CBĐT=>
103	Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	220160014	278.999	1	90.104	
104	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Bến Cát	Công an tỉnh	220160009	34.324	1	7.700	
105	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	220160010	46.687	1	11.100	
106	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Thuận An	Công an tỉnh	220160007	52.484	1	15.790	
107	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	220160008	37.032	1	7.270	
108	Nhà khách công vụ công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	220130008	78.934	1	7.667	
	<i>Công trình quyết toán</i>			<i>49.119</i>	<i>2</i>	<i>238</i>	
109	Mua sắm thiết bị nghiệp vụ chuyên dùng công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh		40.387	1	147	
110	Trụ sở làm việc công an phường Hòa Lợi	Công an tỉnh		8.732	1	91	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
IV	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)			462.706	4	98.155	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			328.925	3	97.595	
111	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng cứu sự cố cháy nổ	Công an tỉnh	220160017	191.504	1	88.840	
112	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thắng - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	220160001	71.431	1	6.448	
113	Trưởng bắn súng ngắn kết hợp Hội trường 500 chỗ	Công an tỉnh		65.990	1	2.307	
	<i>Công trình quyết toán</i>			133.781	1	560	
114	Mua sắm thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho các đội cảnh sát phòng cháy và chữa cháy khu vực	Công an tỉnh	220160016	133.781	1	560	

Phụ lục V
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Quyết định số 2310 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	TỔNG SỐ			3.974.477	98	1.619.518	
A	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			331.870	7	672.962	
I	Khối tỉnh			0	4	498.912	
I.2	THỰC HIỆN DỰ ÁN			0	4	498.912	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			0	1	40.700	
1	Đầu tư Thiết bị khoa sản 300 giường Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7575166		1	40.700	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			0	1	451.364	
2	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn XSKT)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7253179		1	451.364	
	<i>Công trình quyết toán</i>			0	2	6.848	
3	Bệnh viện chuyên khoa Tâm Thần tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7002652		1	688	
4	Khu điều trị 300 giường (Khoa sản) thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7449966		1	6.160	
II	Khối huyện thị			331.870	3	174.050	
	THỊ XÃ TÂN UYÊN			190.822	1	100.000	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			190.822	1	100.000	
5	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	UBND Tx Tân Uyên	7415968	190.822	1	100.000	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	HUYỆN BÀU BÀNG			138.998	1	74.000	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			138.998	1	74.000	
6	Trung tâm y tế huyện Bầu Bàng - quy mô 100 giường bệnh - Nguồn XSKT	UBND huyện Bầu Bàng	7584622	138.998	1	74.000	
	HUYỆN PHÚ GIÁO			2.050	1	50	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			2.050	1	50	
7	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo (quy mô 120 giường bệnh)	UBND huyện Phú Giáo		2.050	1	50	
B	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ			3.642.607	91	946.556	
I	Khối tỉnh			22.000	1	7.000	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			22.000	1	7.000	
	<i>Công trình lập TKBVTC-DT</i>			22.000	1	7.000	
8	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		22.000	1	7.000	
II.2	Khối huyện thị			3.620.607	90	939.556	
	TP.THỦ DẦU MỘT			608.408	13	96.000	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			97.900	6	2.588	
9	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Bình Phú	UBND Tp. Thủ Dầu Một		18.000	1	500	
10	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông An Mỹ	UBND Tp. Thủ Dầu Một		18.000	1	500	
11	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Hòa Phú	UBND Tp. Thủ Dầu Một		18.500	1	500	
12	Cải tạo nhà đa năng, đường nội bộ, phòng học cũ Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức	UBND Tp. Thủ Dầu Một		12.100	1	226	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
14	Xây dựng mới bổ sung hội trường và nhà thi đấu thể dục thể thao Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	UBND Tp. Thủ Dầu Một		13.100	1	100	
15	Trường tiểu học Định Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một		18.200	1	762	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			510.508	7	93.412	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			239.577	2	57.816	
16	Trường Tiểu học Phú Lợi 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7639923	97.000	1	30.000	
17	Trường Trung học cơ sở Phú Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7646496	142.577	1	27.816	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			83.000	1	27.131	
18	Trường trung học cơ sở Trần Bình Trọng	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7236203	83.000	1	27.131	
	<i>Công trình quyết toán</i>			187.931	4	8.465	
19	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7463997	68.000	1	2.600	
20	Trường Tiểu học Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7182264	53.000	1	3.453	
21	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7470562	59.000	1	2.400	
22	Trường Mẫu giáo Sao Mai	UBND Tp. Thủ Dầu Một		7.931	1	12	
	TX. THUẬN AN			653.513	10	213.200	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			50.000	2	3.027	
23	Trường TH Bình Chuẩn 2	UBND Tx. Thuận An		26.000	1	2.277	
24	Trường TH An Phú 3	UBND Tx. Thuận An		24.000	1	750	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			603.513	8	210.173	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			292.792	3	130.000	
25	Trường Trung học phổ thông Lý Thái Tổ	UBND Tx. Thuận An		126.052	1	50.000	
26	Trường Tiểu học An Thạnh	UBND Tx. Thuận An	7646495	81.740	1	40.000	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
27	Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	UBND Tx. Thuận An		85.000	1	40.000	
	Công trình chuyển tiếp			225.220	3	79.000	
28	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực	UBND Tx. Thuận An	7256457	96.000	1	18.000	
28	Trường Tiểu học Tuy An	UBND Tx. Thuận An	7398341	82.820	1	34.000	
29	Mở rộng trường Trung học cơ sở Nguyễn Thái Bình	UBND Tx. Thuận An	7609001	46.400	1	27.000	
	Công trình quyết toán			85.501	2	1.173	
30	Mở rộng trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức	UBND Tx. Thuận An	7559130	31.000	1	860	
31	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn 2	UBND Tx. Thuận An	7398339	54.501	1	313	
	TX. DĨ AN			568.516	12	194.450	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			9.216	3	300	
32	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	UBND Tx. Dĩ An		3.000	1	100	
34	Trường TH Tân Bình B	UBND Tx. Dĩ An		3.216	1	100	
35	Trường TH Châu Thới	UBND Tx. Dĩ An		3.000	1	100	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			559.300	9	194.150	
	Công trình khởi công mới			407.180	6	167.905	
36	Mở rộng trường Trung học cơ sở Đông Hòa	UBND Tx. Dĩ An	7009473	47.180	1	18.000	
37	Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tx. Dĩ An	7643805	90.000	1	50.000	
38	Trường Tiểu học Nhị Đồng 2	UBND Tx. Dĩ An	7643798	70.000	1	15.905	
39	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp C	UBND Tx. Dĩ An	7644840	51.000	1	28.000	
40	Trường Tiểu học Đông Hòa C	UBND Tx. Dĩ An		84.000	1	32.000	
41	Trường mầm non Đông Hòa	UBND Tx. Dĩ An		65.000	1	24.000	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	Công trình chuyển tiếp			152.120	3	26.245	
42	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Dĩ An B	UBND Tx. Dĩ An	7601956	49.070	1	17.000	
43	Trường Trung học cơ sở Dĩ An - Giai đoạn 2	UBND Tx. Dĩ An	7601959	23.050	1	5.780	
44	Trường Trung học cơ sở Đông Chiêu	UBND Tx. Dĩ An	7501251	80.000	1	3.465	
	TX. BẾN CÁT			401.450	10	97.695	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			35.400	3	1.000	
45	Xây dựng, bổ sung khối phòng học Trường THPT Bến Cát.	UBND Tx. Bến Cát		33.000	1	600	
46	Trường THCS Hòa Lợi.	UBND Tx. Bến Cát		1.200	1	200	
47	Trường THCS Mỹ Thạnh.	UBND Tx. Bến Cát		1.200	1	200	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			366.050	7	96.695	
	Công trình lập TKBVTC-TDT			92.050	2	2.000	
48	Trường Tiểu học Hòa Lợi	UBND Tx. Bến Cát		71.580	1	1.500	
49	Trường THCS An Điền (GD 2)	UBND Tx. Bến Cát		20.470	1	500	
	Công trình chuyển tiếp			219.000	4	93.590	
50	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	UBND Tx. Bến Cát	7584564	70.000	1	27.110	
51	Trường Trung học cơ sở An Điền (giai đoạn 1)	UBND Tx. Bến Cát	7581568	37.000	1	6.480	
52	Trường tiểu học Định Phước	UBND Tx. Bến Cát	7355580	72.000	1	38.000	
53	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 1)	UBND Tx. Bến Cát	7626151	40.000	1	22.000	
	Công trình quyết toán			55.000	1	1.105	
54	Trường mầm non Mỹ Phước	UBND Tx. Bến Cát		55.000	1	1.105	
	TX. TÂN UYÊN			484.843	14	92.800	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			35.337	5	900	
55	Trường THCS Vĩnh Tân	UBND TX Tân Uyên		11.200	1	200	
56	Trường mầm non Thạnh Phước	UBND TX Tân Uyên		11.137	1	200	
57	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	UBND TX Tân Uyên		600	1	100	
58	Trường TH Khánh Bình	UBND TX Tân Uyên		11200	1	200	
59	Trường TH Tân Phước Khánh B	UBND TX Tân Uyên		1200	1	200	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			449.506	9	91.900	
	<i>Công trình lập TKBVTC-DT</i>			<i>12.000</i>	<i>1</i>	<i>2.250</i>	
60	Trường trung học phổ thông Thái Hòa	UBND Tx. Tân Uyên	7302427	12.000	1	2.250	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			<i>30.306</i>	<i>1</i>	<i>19.200</i>	
61	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	UBND Tx. Tân Uyên	7473593	30.306	1	19.200	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>176.200</i>	<i>3</i>	<i>61.450</i>	
62	Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	7415964	51.200	1	22.000	
63	Trường Tiểu học Thái Hòa B	UBND Tx. Tân Uyên	7415970	58.000	1	19.450	
64	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	7463007	67.000	1	20.000	
	<i>Công trình quyết toán</i>			<i>231.000</i>	<i>4</i>	<i>9.000</i>	
65	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Quốc Phú	UBND Tx. Tân Uyên	7251484	33.700	1	500	
66	Trường Tiểu học Hội Nghĩa	UBND Tx. Tân Uyên	7251471	61.300	1	2.500	
67	Trường Trung học cơ sở Phú Chánh	UBND Tx. Tân Uyên	7365423	66.000	1	2.000	
68	Trường Mầm non Thạnh Hội	UBND Tx. Tân Uyên	7445707	70.000	1	4.000	
	HUYỆN DẦU TIẾNG			247.693	8	88.000	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			1.000	2	400	
69	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng		500	1	200	
70	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng		500	1	200	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			246.693	6	87.600	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			144.680	4	80.160	
71	Trường Trung học cơ sở An Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Dầu Tiếng	7411208	46.370	1	31.900	
72	Trường trung học cơ sở Minh Tân (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	7358089	45.000	1	15.260	
73	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng		36.010	1	23.000	
74	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng		17.300	1	10.000	
	<i>Công trình quyết toán</i>			102.013	2	7.440	
75	Trường tiểu học An Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Dầu Tiếng	7253019	46.012	1	2.850	
76	Trường trung học cơ sở Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	7253018	56.001	1	4.590	
	HUYỆN PHÚ GIÁO			177.940	6	49.111	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			16.000	2	400	
77	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	UBND huyện Phú Giáo		15.000	1	200	
78	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo		1.000	1	200	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			161.940	4	48.711	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			46.000	1	21.500	
79	Trường tiểu học An Thái (giai đoạn 2)	UBND huyện Phú Giáo	7367830	46.000	1	21.500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			97.440	2	25.711	
80	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	UBND huyện Phú Giáo	7367834	57.440	1	12.000	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
81	Trường tiểu học An Linh	UBND huyện Phú Giáo	7247267	40.000	1	13.711	
	<i>Công trình quyết toán</i>			<i>18.500</i>	<i>1</i>	<i>1.500</i>	
82	Trường tiểu học Phước Sang	UBND huyện Phú Giáo	7367832	18.500	1	1.500	
	HUYỆN BÀU BÀNG			182.300	7	23.300	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			50.300	5	4.300	
80	Trường mầm non Tân Hưng	UBND huyện Bầu Bàng		100	1	100	
81	Trường mầm non Hưng Hòa	UBND huyện Bầu Bàng		100	1	100	
82	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	UBND huyện Bầu Bàng		100	1	100	
83	Trường tiểu học Trừ Văn Thố	UBND huyện Bầu Bàng		25.000	1	2.000	
84	Trường trung học cơ sở Cây Trường	UBND huyện Bầu Bàng		25.000	1	2.000	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			132.000	2	19.000	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>132.000</i>	<i>2</i>	<i>19.000</i>	
85	Trường Tiểu học Bầu Bàng	UBND huyện Bầu Bàng	7611323	64.000	1	9.000	
86	Trường trung học cơ sở Trừ Văn Thố	UBND huyện Bầu Bàng	7471187	68.000	1	10.000	
	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN			295.944	10	85.000	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			26.000	5	2.500	
87	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND huyện Bắc Tân Uyên		500	1	500	
88	Trường THPT Tân Bình	UBND huyện Bắc Tân Uyên		1.500	1	500	
89	Trường mầm non Hoa Cúc (Xây dựng bổ sung 6 phòng học)	UBND huyện Bắc Tân Uyên		1.000	1	500	
90	Trường tiểu học Đất Cuốc (Xây dựng bổ sung 9 phòng học)	UBND huyện Bắc Tân Uyên		10.500	1	500	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
91	Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ giai đoạn 2	UBND huyện Bắc Tân Uyên		12.500	1	500	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN			269.944	5	82.500	
	<i>Công trình lập TKBTC-DT</i>			<i>58.801</i>	<i>1</i>	<i>29.070</i>	
92	Trường trung học phổ thông Lê Lợi	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7699430	58.801	1	29.070	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			<i>123.700</i>	<i>2</i>	<i>45.000</i>	
93	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7386400	68.000	1	23.500	
94	Trường Mầm non Tân Mỹ	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7386405	55.700	1	21.500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>77.082</i>	<i>1</i>	<i>7.000</i>	
95	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7251397	77.082	1	7.000	
	<i>Công trình quyết toán</i>			<i>10.361</i>	<i>1</i>	<i>1.430</i>	
96	Trường Tiểu học Tân Định	UBND huyện Bắc Tân Uyên		10.361	1	1.430	

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 2310 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN			3.180.389	57	733.000	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>			750.834	17	13.094	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			248.563	5	198.163	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			1.429.412	23	403.838	
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>			643.586	11	111.273	
	<i>Công trình quyết toán</i>			39.544	1	6.632	
I	Thành phố Thủ Dầu Một			1.295.325	15	180.000	
I.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			1.202.825	13	163.500	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>			405.175	5	6.391	
1	Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một		101.260	1	1.251	
2	Mở rộng đường đê bao rạch Bà Cô (theo quy hoạch phân khu là đường N8)	UBND Tp.Thủ Dầu Một		115.000	1	1.700	
3	Mở rộng đường tạo lực 6 nối dài (Đại lộ Bình Dương đến nút giao Phan Đăng Lưu và Huỳnh Thị Châu)	UBND Tp.Thủ Dầu Một		118.315	1	1.149	
4	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viêt (đường Liên ấp 1-5), phường Phú Mỹ	UBND Tp.Thủ Dầu Một		67.000	1	686	
5	Đường trục chính Đông Tây	UBND Tp.Thủ Dầu Một		3.600	1	1.605	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			492.350	3	65.836	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
6	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thổ Ngừ đến cầu Thầy Năng), phường Chánh Nghĩa	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7019009	127.600	1	41.474	
7	Đường Trần Văn Ôn	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7282859	155.400	1	20.162	
8	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lên (từ ĐLBD đến đường Huỳnh Văn Lũy)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7282855	209.350	1	4.200	
	Thanh toán khối lượng			305.300	5	91.273	
9	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7017278	255.750	1	78.839	
10	Đường Hoàng Hoa Thám II	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7018809	7.000	1	1.175	
11	Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã ba đường Ngô Quyền đến đường Định Bộ Lĩnh)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7245564	21.550	1	690	
12	Đường Hoàng Hoa Thám (ngã tư thành đội) đến Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7018818	3.300	1	569	
13	Đường Trần Ngọc Lên - ĐL Bình Dương - đường Bùi Ngọc Thu (Đường tổ 7 ấp 1, phường Định Hòa)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7019366	17.700	1	10.000	
I.2	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI			25.600	1	1.500	
	Thanh toán khối lượng			25.600	1	1.500	
14	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7451851	25.600	1	1.500	
I.3	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI			66.900	1	15.000	
	Thanh toán khối lượng			66.900	1	15.000	
15	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự Tp.TDM	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7445190	66.900	1	15.000	
II	Thị xã Thuận An			334.166	6	83.487	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
II.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			35.000	1	500	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>			35.000	1	500	
16	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	UBND Tx. Thuận An		35.000	1	500	
II.2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ			299.166	5	82.987	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>			15.000	1	700	
17	Trường Tiểu học Vĩnh Phú	UBND Tx. Thuận An		15.000	1	700	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			68.450	1	22.287	
18	Trường TH Lê Thị Trung	UBND Tx. Thuận An	7648765	68.450	1	22.287	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			129.789	2	59.500	
19	Trường THPT Trịnh Hoài Đức (cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án trường THPT tỉnh Bình Dương Trịnh Hoài Đức chất lượng cao)	UBND Tx. Thuận An	7637537	69.660	1	32.000	
20	Trường mầm non Hoa Mai 3	UBND Tx. Thuận An	7609000	60.129	1	27.500	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>			85.927	1	500	
21	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	UBND Tx. Thuận An	7398343	85.927	1	500	
				189.784	2	51.291	
III	Thị xã Dĩ An			77.343	1	22.500	
III.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			77.343	1	22.500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			77.343	1	22.500	
22	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	UBND Tx. Dĩ An	763037	77.343	1	22.500	
III.2	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN			112.441	1	28.791	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			112.441	1	28.791	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
23	Khu di tích Cách mạng & sinh thái Hồ lang - giai đoạn 1	UBND Tx. Dĩ An	7301465	112.441	1	28.791	
IV	Thị xã Tân Uyên			286.836	9	55.000	
IV.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			239.418	6	52.000	
	Chuẩn bị đầu tư			2.400	3	1.200	
24	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 409 (đoạn từ ĐT747B đến cầu Vĩnh Lợi)	UBND Tx. Tân Uyên		500	1	500	
25	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	UBND Tx. Tân Uyên		1.700	1	500	
26	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH423 (đoạn từ ngã tư nhà thờ đến ngã tư đường ĐH409)	UBND Tx. Tân Uyên		200	1	200	
	Công trình chuyển tiếp			237.018	3	50.800	
27	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ cây xăng An Lộc đến ngã tư Xã Cũ), phường Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	7599490	79.984	1	17.800	
28	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ ngã tư Xã Cũ đến cầu Khánh Vân), phường Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	7599487	78.434	1	16.000	
29	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH 409 đến giáp đường ĐT 747A)	UBND Tx. Tân Uyên	7599497	78.600	1	17.000	
IV.2	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHIỆP)			47.418	3	3.000	
	Công trình thanh toán khối lượng			47.418	3	3.000	
30	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã – phường: Thạnh Hội, Bạch Đằng, Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	7234468	9.658	1	1.400	
31	Khu di tích tường niệm truyền thống chiến khu Vĩnh Lợi	UBND Tx. Tân Uyên	7008032	28.050	1	200	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
32	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã – phường: Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Thái Hòa	UBND Tx. Tân Uyên	7237130	9.710	1	1.400	
V	Huyện Bắc Tân Uyên			186.738	3	55.000	
V.1	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			133.530	1	34.960	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			<i>133.530</i>	<i>1</i>	<i>34.960</i>	
33	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên qui mô 100 giường bệnh - Giai đoạn I: 60 giường	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7616711	133.530	1	34.960	
V.2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ			14.208	1	1.503	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>			<i>14.208</i>	<i>1</i>	<i>1.503</i>	
34	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7699430	14.208	1	1.503	
V.3	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN			39.000	1	18.537	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>39.000</i>	<i>1</i>	<i>18.537</i>	
35	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7616712	39.000	1	18.537	
VI	Thị xã Bến Cát			243.206	5	45.000	
VI.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			125.259	2	29.600	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>85.715</i>	<i>1</i>	<i>22.968</i>	
36	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan	UBND Tx. Bến Cát	7628900	85.715	1	22.968	
	<i>Công trình quyết toán</i>			<i>39.544</i>	<i>1</i>	<i>6.632</i>	
37	Đường gò Cào Cào	UBND Tx. Bến Cát	7508607	39.544	1	6.632	
VI.2	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP-PTNT)			30.000	1	600	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>			<i>30.000</i>	<i>1</i>	<i>600</i>	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
38	Khai thông uốn nắn dòng chảy đoạn hạ lưu rạch Cầu Quan đến sông Thị Tính	UBND Tx. Bến Cát		30.000	1	600	
VI.3	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN			87.947	2	14.800	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>			<i>47.000</i>	<i>1</i>	<i>300</i>	
39	Xây dựng Công viên dọc sông Thị Tính (đoạn qua chợ Bến Cát)	UBND Tx. Bến Cát		47.000	1	300	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>40.947</i>	<i>1</i>	<i>14.500</i>	
40	Xây dựng tượng đài thị xã Bến Cát	UBND Tx. Bến Cát	7625206	40.947	1	14.500	
VII	Huyện Bàu Bàng			189.728	9	35.557	
VII.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			144.898	8	15.882	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>			<i>90.000</i>	<i>2</i>	<i>1.000</i>	
41	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 610 xã Long Nguyên	UBND huyện Bàu Bàng		60.000	1	500	
42	Xây dựng mới đường ĐH 618	UBND huyện Bàu Bàng		30.000	1	500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>			<i>11.800</i>	<i>1</i>	<i>10.000</i>	
43	Bê tông nhựa đường từ nhà Ông Bảy Hộ đến nhà Bà Suối xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng		11.800	1	10.000	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>43.098</i>	<i>5</i>	<i>4.882</i>	
44	Xây dựng mới Cầu Ông Chày xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	UBND huyện Bàu Bàng	7628903	6.973	1	734	
45	Bê tông nhựa đường ấp Hồ Muôn xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	UBND huyện Bàu Bàng	7628906	8.852	1	1.360	
46	Bê tông nhựa đường ấp Bà Phái xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	UBND huyện Bàu Bàng	7628905	12.363	1	1.771	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
47	Bê tông nhựa đường ấp Long Hưng xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	UBND huyện Bàu Bàng	7628908	8.370	1	811	
48	Bê tông nhựa đường từ chợ Tuấn Tâm đi đường mòn Hồ Chí Minh, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	UBND huyện Bàu Bàng	7628909	6.540	1	206	
VII.2	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN			44.830	1	19.675	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>44.830</i>	<i>1</i>	<i>19.675</i>	
49	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện	UBND huyện Bàu Bàng	7624848	44.830	1	19.675	
VIII	Huyện Phú Giáo			299.588	4	194.663	
VIII.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			299.588	4	194.663	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>			<i>98.431</i>	<i>1</i>	<i>500</i>	
51	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 507 (từ đường ĐT 741 đi trại giam An Phước)	UBND huyện Phú Giáo		10.000	1	500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>					86.816	
52	Nâng cấp đường Cống Triết	UBND huyện Phú Giáo		18.700	1	18.566	
50	Nâng cấp Đường ĐH 515	UBND huyện Phú Giáo		9.291	1	9.000	
53	Đầu tư xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài	UBND huyện Phú Giáo		32.440	1	32.200	
54	Đầu tư xây dựng đường Trần Quang Diệu nối dài	UBND huyện Phú Giáo		28.000	1	27.050	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			201.157	3	107.347	
55	Đường ĐH 512 (Đường Kiểm)	UBND huyện Phú Giáo	7003264	72.807	1	38.847	
56	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 519	UBND huyện Phú Giáo	7622325	90.432	1	52.700	
57	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	UBND huyện Phú Giáo	7504083	37.918	1	15.800	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
IX	Huyện Dầu Tiếng			155.018	4	33.002	
IX.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			155.018	4	33.002	
	Chuẩn bị đầu tư			13.620	1	400	
58	Nâng cấp nhựa đường ĐH 721 (từ ĐT 749a đến ĐT 750)	UBND huyện Dầu Tiếng		13.620	1	400	
	Công trình khởi công mới			25.890	1	21.600	
59	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa giai đoạn 2 (đoạn qua xã Định An)	UBND huyện Dầu Tiếng	7698761	25.890	1	21.600	
	Công trình chuyển tiếp			115.508	2	11.002	
60	Mở rộng đường từ trước Huyện uỷ - UBND huyện đến đường Cách mạng tháng 8	UBND huyện Dầu Tiếng	7543882	71.415	1	9.380	
61	Nâng cấp nhựa đường ĐH 722 (từ ĐT 749b đến ngã ba Cẩm Xe) huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	7560189	44.093	1	1.622	

Phụ lục VII
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
- NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)
 (Kèm theo Tờ trình số 2310 /TTr-UBND ngày 28/7/2019
 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2019		
			Tổng số các nguồn vốn	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	3.876.795	952.242	665.819	286.423
	Ngành Cấp thoát nước - Môi trường	3.876.795	952.242	665.819	286.423
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Giai đoạn II	3.424.193	660.615	410.615	250.000
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	452.602	291.627	255.204	36.423

Phụ lục VIII
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ

(Kèm theo Tờ trình số 23/TC /TTr-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh)	Kế hoạch điều chỉnh 2019
	TỔNG SỐ	64.230	34.890
I	VỐN ĐẦU TƯ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	64.230	34.890
	Các hoạt động kinh tế (Giao thông)	64.230	34.890
1	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	64.230	34.890

Phụ lục IX

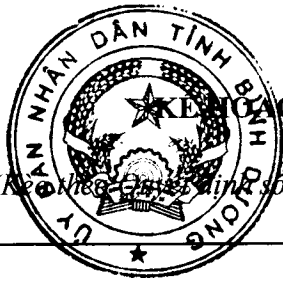
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN KẾT DƯ TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018

(Kèo theo Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 09 tháng 2 năm 2018 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh năm 2019	Điều chỉnh Kế hoạch ĐTC trung hạn 2016-2020
	TỔNG SỐ (A+B)	19		487.500	1.500.000
A	Vốn tỉnh tập trung (I+II)	5		75.000	440.000
I	Hạ tầng Văn hóa - Xã hội	2		75.000	168.000
1	Mở rộng Trung tâm giáo dục lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương	1	Sở Lao động - TB và Xã hội	1.000	94.000
2	Trường Trung học phổ thông Thái Hòa	1	UBND Tx Tân Uyên	74.000	74.000
II	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	3		0	272.000
3	Mở mới đường đê bao dọc rạch Bà Cô (theo quy hoạch phân khu là đường N8)	1	UBND Tp. Thủ Dầu Một		110.000
4	Đường Tạo lực 6 nối dài (Đại lộ Bình Dương đến nút giao Phan Đăng Lưu và đường Huỳnh Thị Châu)	1			100.000
5	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viết (đường Liên ấp 1-5), phường Phú Mỹ	1			62.000
B	Vốn ngân sách cấp huyện (I+II+...+VIII)	14		412.500	1.060.000
I	THỦ DẦU MỘT	2		30.000	120.000
6	Xây dựng THCS Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - tiểu học Kim Đồng, phường Hiệp An	1	UBND Tp. Thủ Dầu Một	15.000	60.000
7	Xây dựng TH Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - mầm non Hoa Sen, phường Tương Bình Hiệp	1		15.000	60.000
II	THUẬN AN	3		67.500	333.000
8	Xây dựng đường vào khu Trung tâm chính trị - hành chính thị xã Thuận An	1	UBND Tx. Thuận An	500	60.000
9	Xây dựng mới đường Hưng Định 15, phường Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	1	UBND Tx. Thuận An	50.000	220.000
10	Trường Mầm non Hoa Cúc 10	1		17.000	53.000
III	DĨ AN	1		65.000	150.000
11	Xây dựng đường từ đường Trần Hưng Đạo đi đường Võ Thị Sáu	1	UBND Tx Dĩ An	65.000	150.000
IV	TÂN UYÊN	2		73.000	190.000
12	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 425	1	UBND Tx Tân Uyên	58.000	158.000
13	Xây dựng Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Tân Uyên	1		15.000	32.000
V	BẮC TÂN UYÊN	1		13.500	27.000
14	Xây dựng Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	1	UBND huyện Bắc Tân Uyên	13.500	27.000
VI	BẾN CÁT	1		65.000	65.000
15	Trường Tiểu học Mỹ Phước II	1	UBND Tx Bến Cát	65.000	65.000
VII	PHÚ GIÁO	2		30.500	95.000
16	Nâng cấp đường ĐH 516 (đường Tân Long - An Long)	1	UBND huyện Phú Giáo	17.500	50.000
17	Nâng cấp đường ĐH 502 (từ ngã 3 cây khô đến cầu Vàm Vá 2)	1		13.000	45.000
VIII	DẦU TIẾNG	2		68.000	80.000
18	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	1	UBND huyện Dầu Tiếng	38.000	50.000
19	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Bến Súc (Tuyến đường N1, N2, N3, N4)	1		30.000	30.000



Phụ lục X
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN VỐN KHÁC
(Kế hoạch được chỉnh sửa số 23/10/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh 2019 (Nguồn vốn khác)
	TỔNG SỐ		1.590.197
I	HẠ TẦNG KINH TẾ		1.319.840
1	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (GD 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	123.340
2	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên		612.500
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)		500.000
4	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương		84.000
II	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		270.357
5	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	36.207
6	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)		234.150